Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3502.90.00

Mã HS	3502.90.00
Mô tả hàng hóa	Albumin (kể cả các chất cô đặc của hai hoặc nhiều whey protein, chứa trên 80% whey protein tính theo trọng lượng khô), các muối của albumin và các dẫn xuất albumin khác / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 20:23:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/35029000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5142
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5142
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5142
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5017
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4978
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4978
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4978
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4978
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4978
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4978
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5022
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5022

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5022
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5022
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5022
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5022
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5020
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5020
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5020
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5020
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5020
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5020
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5020
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4984
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4980
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4980
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4980
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4980
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4980
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4980
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4989
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4989
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4989
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4989
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4989
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4989
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5027
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5027

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5027
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5027
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5027
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5027
VN-EAEU	2022	2022	2,7	EAV!D5024
VN-EAEU	2023	2023	1,8	EAV!E5024
VN-EAEU	2024	2024	0,9	EAV!F5024
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5024
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5024
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5024
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D695
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E695
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5032
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5032
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5032
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5032
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5032
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5032
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D5003
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E5003
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F5003
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5003
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5003
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5003
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D5005
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E5005

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F5005
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5005
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5005
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5005
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5003
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5003
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5003
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5003
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5003
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5003
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5003
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5024
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5024
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5024
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5024
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5024
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5024
RCEP B	2022	2022	0	B!D5024
RCEP B	2023	2023	0	B!E5024
RCEP B	2024	2024	0	B!F5024
RCEP B	2025	2025	0	B!G5024
RCEP B	2026	2026	0	B!H5024
RCEP B	2027	2027	0	B!I5024
RCEP C	2022	2022	0	C!D5024
RCEP C	2023	2023	0	C!E5024
RCEP C	2024	2024	0	C!F5024

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G5024
RCEP C	2026	2026	0	C!H5024
RCEP C	2027	2027	0	C!I5024
RCEP D	2022	2022	0	D!D5024
RCEP D	2023	2023	0	D!E5024
RCEP D	2024	2024	0	D!F5024
RCEP D	2025	2025	0	D!G5024
RCEP D	2026	2026	0	D!H5024
RCEP D	2027	2027	0	D!I5024
RCEP E	2022	2022	0	E!D5027
RCEP E	2023	2023	0	E!E5027
RCEP E	2024	2024	0	E!F5027
RCEP E	2025	2025	0	E!G5027
RCEP E	2026	2026	0	E!H5027
RCEP E	2027	2027	0	E!I5027
RCEP F	2022	2022	0	F!D5024
RCEP F	2023	2023	0	F!E5024
RCEP F	2024	2024	0	F!F5024
RCEP F	2025	2025	0	F!G5024
RCEP F	2026	2026	0	F!H5024
RCEP F	2027	2027	0	F!I5024
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F4633
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G4633
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H4633
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I4633

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3502.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3502.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5142), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.